TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đông Phong và ông Trần Ngọc Châu.

Thư ký phiên tòa*:* Ông Vũ Văn Đức- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa*: ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 179/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1984.

Địachỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Vũ Văn C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh T ngày 15/9/2010. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên chơi bài, chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi. Từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, tháng

11/2019 chị T nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó chị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ và cho anh C có thời gian thay đổi. Tuy nhiên, trong quá trình vợ chồng đoàn tụ, anh C vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn C.

Về con chung*:* Chị T khaivợchồng có hai con chung, các cháu tên là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 10/6/2011 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 03/6/2013, hiện nay cháu Đ và cháy H đang ở với chị. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Đ và H, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng mỗi cháu là 2000.000 đồng, hai cháu là 4.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu Đ và cháu huy đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 19/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Văn C trình bày: Giữa bị đơn và nguyên đơn là chị Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/9/2010. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi cọ, mắng chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng thi thoảng vẫn quan tâm nhau. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh C không đồng ý.

Về con chung: Anh C khai vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 10/6/2011 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 03/6/2013, hiện nay cháu Đ và cháy H đang ở với chị T. Nếu ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/02/2021, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C và được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày18/3/2021, anh C đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành

đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh C; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai, là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh C không có mặt mà không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Chị T và anh C đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng chị T và anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi chửi, xúc phạm nhau. Theo biên bản xác minh ngày 19/11/2020 có xác nhận củaỦy ban nhân dân xã H, chị T và anh C đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Cảnh luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C thừa nhận vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Vũ Tiến Đ, sinh ngày 10/6/2011 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 03/6/2013. Chị T đề nghị được nuôi cháu H, cháu H cũng có nguyện vọng được ở cới chị T, cháu Đ có nguyện vọng được ở với anh C, do đó giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị T và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn C.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Vũ Tiến Đ, sinh ngày 10/6/2011 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 03/6/2013 là con chung của chị T và anh C. Giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Chị T, anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009226 ngày28/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CácHộithẩmnhândânThẩmphán - Chủtọaphiêntòa

TrầnNgọcChâuDươngĐôngPhongTrịnhThanhHươn